

VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC YẾU TỐ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

PHẠM HÙNG NGỌC DŨNG⁽¹⁾

Tóm tắt: Môi trường có vai trò quan trọng tạo ra không gian sống cho con người. Vấn đề bảo vệ môi trường luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm; đặc biệt, thông qua các công cụ quản lý như chính sách, quy hoạch, pháp luật, kinh tế... Bài viết tập trung làm rõ 05 vai trò của pháp luật về bảo vệ môi trường và 04 yếu tố đảm bảo thực hiện pháp luật về quản lý môi trường. Đây là những cơ sở quan trọng, là căn cứ đánh giá kết quả và triển khai công cụ pháp luật trong quản lý môi trường tại Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Bảo vệ môi trường; pháp luật môi trường; quản lý môi trường.

Abstract: Natural environment creates living spaces for human. As a result, the Communist Party and the government have always given special attention to environmental protection, using management tools like policy, planning, law, economic interventions, etc. This article discussed the 5 roles of environmental law in environmental protection and 4 factors ensuring the execution of environmental laws in Vietnam. These are important foundations for the use and evaluation of management tools in environmental management in Vietnam.

Keywords: Environmental protection; environmental law; environmental management.

Ngày nhận bài: 11/11/2018; Ngày sửa bài: 10/01/2019; Ngày duyệt đăng bài: 27/02/2019.

Đặt vấn đề

Môi trường có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là yếu tố quyết định sự sinh tồn của toàn thể nhân loại và hệ sinh thái trên trái đất, là nền tảng quan trọng cho sự tồn tại và phát triển bền vững của mọi quốc gia. Quản lý môi trường vừa là nhiệm vụ, vừa là thách thức mà mọi quốc gia trên thế giới luôn đặc biệt quan tâm giải quyết, không phân biệt là quốc gia đã phát triển hay đang phát triển. Xác định vấn đề quản lý môi trường là một nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước; trong thời gian qua, đặc biệt là giai đoạn từ năm 1986 đến nay, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm triển khai đồng bộ nhiều biện pháp (như: pháp luật, chính sách, kinh tế, khoa học - công nghệ, giáo dục...) nhằm quản lý môi trường, trong đó pháp luật được xem như

là công cụ hữu hiệu, có ý nghĩa quan trọng nhất trong công tác quản lý môi trường, với việc hàng loạt các văn bản pháp luật liên quan đến vấn đề môi trường đã được Nhà nước ban hành, điển hình có thể kể đến như Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng sản, Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Luật Đa dạng sinh học... Bài viết với mục tiêu làm rõ vai trò của pháp luật về quản lý môi trường và phân tích các yếu tố bảo đảm thực hiện pháp luật về quản lý môi trường sẽ làm căn cứ để triển khai các quy định của Nhà nước trong quản lý môi trường tại các địa bàn cụ thể.

Pháp luật là công cụ đặc trưng và có ý

⁽¹⁾ Th.S., Công ty Trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại Nường Ninh Ngọc;
Email: phamhungtiendungstphn@gmail.com

ngĩa đặc biệt quan trọng trong việc quản lý xã hội nói chung, quản lý môi trường nói riêng. Trong vấn đề quản lý môi trường, pháp luật quy định các quy tắc xử sự chung bắt buộc mọi người phải tuân theo khi tham gia khai thác và sử dụng các thành phần môi trường, thực hiện các hoạt động có ảnh hưởng đến môi trường; pháp luật quy định các biện pháp chế tài về hành chính, hình sự, kinh tế buộc mọi tổ chức, cá nhân phải có thái độ ứng xử đúng đắn với môi trường; pháp luật quy định các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường, là cơ sở pháp lý để theo dõi, đánh giá, quản lý môi trường cũng như xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường; pháp luật quy định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống các cơ quan quản lý môi trường, quy định quyền hạn, trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân trong xã hội tham gia vào quá trình quản lý và bảo vệ môi trường; pháp luật quy định việc giải quyết các vấn đề tranh chấp về môi trường phát sinh trong xã hội...

Từ những phân tích và luận giải trên, có thể đưa ra khái niệm pháp luật về quản lý môi trường như sau: Pháp luật về quản lý môi trường là hệ thống các quy tắc xử sự chung do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dưới hình thức văn bản quy phạm pháp luật và được bảo đảm thực hiện bằng các biện pháp chế tài của Nhà nước để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình quản lý, khai thác, sử dụng, giữ gìn và bảo vệ các thành phần môi trường, nhằm hướng tới mục tiêu bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành, kết hợp chặt chẽ và hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường.

1. Vai trò của pháp luật về quản lý môi trường

Pháp luật với tư cách là hệ thống các

quy phạm điều chỉnh hành vi xử sự của con người có vai trò rất quan trọng trong việc quản lý môi trường, thể hiện qua những khía cạnh sau:

Một là, pháp luật quy định các quy tắc xử sự chung bắt buộc con người phải thực hiện trong quá trình khai thác và sử dụng các thành phần môi trường. Môi trường vừa là điều kiện sống, vừa là đối tượng chịu sự tác động hàng ngày của con người. Sự tác động của con người đã và đang làm cho chất lượng môi trường ngày càng suy giảm, gây ảnh hưởng xấu đến con người và sinh vật. Do đó, pháp luật với tư cách là công cụ điều chỉnh hành vi của các chủ thể trong xã hội có tác dụng rất lớn trong việc định hướng quá trình khai thác và sử dụng các thành phần môi trường, bảo đảm các hành vi của con người không gây bất lợi đến môi trường, hạn chế những tác hại, ngăn ngừa suy thoái và ô nhiễm môi trường. Chẳng hạn, Luật Khoáng sản năm 2010 quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản:

(1) Tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản phải sử dụng công nghệ, thiết bị, vật liệu thân thiện với môi trường; thực hiện các giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường và cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

(2) Tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản phải thực hiện các giải pháp và chịu mọi chi phí bảo vệ, cải tạo, phục hồi môi trường. Giải pháp, chi phí bảo vệ, cải tạo, phục hồi môi trường phải được xác định trong dự án đầu tư, báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

(3) Trước khi tiến hành khai thác khoáng sản, tổ chức, cá nhân khai thác

khoảng sản phải ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của Chính phủ⁽³⁾.

Hai là, pháp luật quy định các chế tài hành chính, kinh tế, hình sự để buộc các cá nhân, tổ chức phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu của pháp luật trong việc khai thác và sử dụng các thành phần môi trường. Trong thực tế, do cuộc sống khó khăn hoặc do chỉ nghĩ đến lợi ích của mình mà thông thường các chủ thể sẵn sàng bỏ qua các lợi ích chung của xã hội, vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý môi trường. Chẳng hạn, tại Hội nghị về các giải pháp khôi phục rừng bền vững vùng Tây Nguyên nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu diễn ra vào tháng 6/2016, Thủ tướng Chính phủ đã tuyên bố đóng cửa tất cả rừng tự nhiên, nhưng sau đó tình trạng khai thác rừng trái phép, vi phạm pháp luật trong quản lý và bảo vệ rừng vẫn diễn ra ở nhiều nơi; tình trạng xả chất thải bừa bãi, gây ô nhiễm môi trường vẫn xảy ra tương đối phổ biến, đáng chú ý là vụ Công ty Formosa Hà Tĩnh xả chất thải trái phép, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng khu vực biển miền Trung được phát hiện trong tháng 4 và tháng 6/2016⁽⁴⁾.

Do đó, các chế tài mà pháp luật quy định có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ lợi ích của chính cá nhân, tổ chức và lợi ích chung, lâu dài của xã hội. Các chế tài dân sự, hành chính, hình sự không chỉ có tác dụng trừng phạt, ngăn ngừa, giáo dục, cải tạo chủ thể vi phạm pháp luật môi trường mà còn có tác dụng răn đe, cảnh báo các chủ thể khác tự giác tuân theo các quy định của pháp luật về quản lý môi trường. Qua đó, ngăn ngừa và hạn chế các tác động xấu đến môi trường do con người gây ra. Hiện nay, các chế tài này được quy định tại rất nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành khác nhau, diễn hình có thể kể đến một số văn bản như:

- Bộ luật Hình sự năm 2015.

Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

- Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

Nghị định số 139/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều; phòng, chống lụt, bão.

- Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

Ba là, pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức quản lý môi trường. Thực tế đã chứng minh, tất cả các lĩnh vực trong đời sống xã hội đều cần có sự quản lý của Nhà nước và môi trường cũng không phải là ngoại lệ. Quản lý môi trường là một công việc rất khó khăn và phức tạp do môi trường có phạm vi rộng và kết cấu phức tạp, nên việc quản lý, bảo vệ môi trường đòi hỏi phải có hệ thống các cơ quan, tổ chức quản lý thích hợp, hoạt động hiệu quả.

Pháp luật có vai trò rất quan trọng trong việc tạo ra cơ chế hoạt động hiệu quả cho các cơ quan, tổ chức quản lý môi

⁽³⁾ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII (2011). *Luật Khoáng sản năm 2010*, Nxb. Lao động, Hà Nội, tr.32.

⁽⁴⁾ Bộ Tài nguyên và Môi trường (2018). *Báo cáo môi trường quốc gia 2018*, Hà Nội.

trường. Thông qua pháp luật, Nhà nước quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức trong việc quản lý môi trường, tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ về quản lý môi trường. Chẳng hạn, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh Cảnh sát môi trường ngày 23/12/2014, Pháp lệnh đã quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, các điều kiện bảo đảm hoạt động, chế độ, chính sách và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức đối với Cảnh sát môi trường⁽⁵⁾.

Bốn là, pháp luật quy định các quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, quy chuẩn kỹ thuật môi trường được hiểu là “Mức giới hạn của các thông số và chất lượng môi trường xung quanh, hàm lượng của các chất gây ô nhiễm có trong chất thải, các yêu cầu kỹ thuật và quản lý được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dưới dạng văn bản bắt buộc áp dụng để bảo vệ môi trường”⁽⁶⁾. Từ quy định trên có thể hiểu, quy chuẩn kỹ thuật môi trường thực chất chính là các tiêu chuẩn kỹ thuật, nhưng do được ban hành dưới dạng văn bản pháp lý nên trở thành các tiêu chuẩn pháp lý và có giá trị bắt buộc áp dụng. Đây chính là công cụ pháp lý quan trọng để phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, là biện pháp buộc các chủ thể phải chấp hành khi có các hoạt động tác động đến môi trường, là cơ sở pháp lý để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định, xử lý và truy cứu trách nhiệm đối với các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường. Đến nay, đã có rất nhiều quy chuẩn kỹ thuật môi trường được ban hành, ví dụ: QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 62-MT: 2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi...

Năm là, pháp luật quy định việc giải quyết các tranh chấp về môi trường. Trong quá trình khai thác, sử dụng các thành phần môi trường, giữa các tổ chức, cá nhân có thể xảy ra những tranh chấp với nhau và đây chính là tranh chấp về môi trường. Tranh chấp về môi trường có thể là tranh chấp về quyền, trách nhiệm bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng các thành phần môi trường, tranh chấp về xác định nguyên nhân gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường hoặc tranh chấp về trách nhiệm xử lý, khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường. Để giải quyết tranh chấp về môi trường, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 đã quy định:

1. Việc giải quyết tranh chấp về môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp dân sự ngoài hợp đồng và quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Tranh chấp về môi trường trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà một hoặc các bên là tổ chức, cá nhân nước ngoài được giải quyết theo pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp có quy định khác trong điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Thời hiệu khởi kiện về môi trường được tính từ thời điểm tổ chức, cá nhân bị thiệt hại phát hiện được thiệt hại do hành

⁽⁵⁾ Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2014), *Pháp lệnh Cảnh sát môi trường*, ngày 23/12/2014, Nxb Lao động, Hà Nội.

⁽⁶⁾ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII (2014), *Luật Bảo vệ môi trường*, năm 2014, Nxb. Lao động, Hà Nội, tr 5.

vi phạm pháp luật về môi trường của tổ chức, cá nhân khác⁽⁷⁾.

Việc quy định như trên có ý nghĩa quan trọng trong việc giải quyết các tranh chấp về môi trường, đặc biệt là về vấn đề áp dụng pháp luật, xác định cơ quan có thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện; là cơ sở pháp lý để các bên tranh chấp thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình để bảo vệ những lợi ích chính đáng.

2. Các yếu tố bảo đảm thực hiện pháp luật về quản lý môi trường

Để các văn bản pháp luật về quản lý môi trường được triển khai có hiệu quả vào thực tiễn thì cần các yếu tố bảo đảm để quá trình này diễn ra thông suốt và thống nhất. Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện pháp luật về quản lý môi trường bị sự ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố, trong phạm vi bài viết tập trung phân tích, làm rõ một số yếu tố: cơ sở pháp luật hoàn thiện; tổ chức thực hiện đồng bộ, nhất quán; sự quan tâm và vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị và ý thức tự giác của con người.

Một là, cơ sở pháp luật hoàn thiện. Pháp luật là tổng thể các yếu tố tạo nên đời sống pháp luật của xã hội trong từng giai đoạn nhất định, là công cụ có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý môi trường hoàn thiện, đồng bộ và thống nhất sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong việc quản lý môi trường của đất nước. Thực tiễn đã chứng minh, việc quản lý môi trường khó có thể đạt được kết quả như mong muốn nếu như không có một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý môi trường được xây dựng một cách thống nhất, chặt chẽ từ trên xuống dưới, từ Hiến pháp đến luật và đặc biệt là giữa Luật Bảo vệ môi trường với các văn bản pháp luật khác có liên quan. Hệ thống pháp luật hoàn thiện và

hiện đại là bảo đảm về mặt pháp lý cho vấn đề quản lý môi trường.

Để đáp ứng yêu cầu trên, trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật phải bảo đảm tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, trong đó cần đặc biệt chú trọng đến tính công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của cá nhân, cơ quan, tổ chức, tránh hình thức, thông tin một chiều, nhằm góp phần nâng cao chất lượng, tính khả thi của pháp luật trong quá trình tổ chức thực hiện, áp dụng trên thực tế.

Hai là, tổ chức thực hiện đồng bộ, nhất quán. Pháp luật là một công cụ quan trọng để quản lý xã hội. Tuy nhiên, pháp luật chỉ có thể phát huy được vai trò của mình khi nó được tôn trọng và thực hiện trong cuộc sống. Tổ chức thực hiện pháp luật thực chất là một hoạt động có mục đích nhằm đưa pháp luật đi vào cuộc sống, có giá trị trong thực tế và trở thành những hành vi hợp pháp của các chủ thể pháp luật. Để đạt mục đích trên thì một trong những yêu cầu quan trọng của quá trình tổ chức thực hiện pháp luật về quản lý môi trường là phải đồng bộ, nhất quán. Đó là việc tổ chức thực hiện pháp luật đồng bộ, thống nhất trong phạm vi cả nước, từ trên xuống dưới, trong tất cả mọi ngành, lĩnh vực, địa phương; nhất quán trong việc tuân thủ triệt để Hiến pháp và pháp luật, đề cao thượng tôn pháp luật, thống nhất về nhận thức và hành động, tổ chức thực hiện pháp luật, đặc biệt là tôn trọng và thực hiện nghiêm túc các quan điểm, mục tiêu của đảng, quyết tâm chính trị của

⁽⁷⁾ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII (2014). *Luật Bảo vệ môi trường năm 2014*. Nxb. Lao động, Hà Nội, tr.129-130.

nhà nước về quản lý môi trường, đó là “Kiên quyết không vì tăng trưởng kinh tế mà đánh đổi môi trường”⁽⁸⁾.

Ba là, sự quan tâm và vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị. Thực tiễn đã chứng minh, hiệu lực, hiệu quả của pháp luật trong đời sống xã hội phụ thuộc chủ yếu bởi kết quả thực hiện pháp luật của các chủ thể pháp luật; trong đó, chủ thể luôn giữ vai trò đặc biệt quan trọng nhằm tổ chức thực hiện và đưa pháp luật đi vào cuộc sống chính là các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị. Điều này thể hiện ở việc các tổ chức Đảng luôn là cơ quan giữ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, đề ra các chủ trương, đường lối trong việc thực hiện pháp luật; Nhà nước là cơ quan quyết định các biện pháp bảo đảm thực hiện pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân cũng như áp dụng các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên là lực lượng to lớn trong việc phổ biến, tuyên truyền, vận động tổ chức, hội viên của mình và nhân dân thực hiện pháp luật, đồng thời tham gia tư vấn, phản biện, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật.

Sự quan tâm và vào cuộc đồng bộ của tất cả các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị chính là một trong những yếu tố then chốt bảo đảm thực hiện pháp luật nói chung, pháp luật về quản lý môi trường nói riêng. Điều này đòi hỏi, phải luôn có sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ, thống nhất từ trên xuống dưới gắn với công tác thanh tra, kiểm tra, đôn đốc, giám sát thường xuyên; phải luôn có sự phối hợp tích cực, chặt chẽ giữa các cấp, các ngành và địa phương; mỗi cơ quan, tổ chức phải luôn quan tâm, phát huy cao vai trò, trách nhiệm trong việc tuân thủ và tổ chức thực hiện pháp luật, phải luôn coi đây là nhiệm

vụ chung, là nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức mình, chứ không phải là nhiệm vụ riêng của ai khác.

Bốn là, ý thức tự giác của con người. Pháp luật được ban hành là nhằm mục đích điều chỉnh các quan hệ xã hội phát triển theo những định hướng, mục tiêu nhất định. Tuy nhiên, hiệu quả điều chỉnh của pháp luật lại phụ thuộc vào hành vi xử sự cụ thể của con người, trong đó ý thức tự giác thực hiện pháp luật của con người là vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng để bảo đảm cho pháp luật phát huy được hiệu lực, hiệu quả trong xã hội. ý thức tự giác thể hiện sự nhận thức và thái độ của con người đối với các quy định của pháp luật. ý thức tự giác càng được nâng cao thì tinh thần tôn trọng, bảo vệ pháp luật và thái độ tự giác thực hiện các yêu cầu của pháp luật càng được bảo đảm và ngược lại.

Do đó, để nâng cao ý thức tự giác của con người thì bên cạnh việc chú trọng xây dựng một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội, còn phải tiến hành đồng bộ nhiều biện pháp thích hợp khác. Trong đó, cần quan tâm lưu ý đến các biện pháp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng như: thường xuyên bồi dưỡng, giáo dục pháp luật nhằm trang bị cho mỗi cá nhân một trình độ kiến thức pháp lý nhất định để từ đó có ý thức đúng đắn về pháp luật, tôn trọng và tự giác chấp hành pháp luật; công khai, minh bạch kịp thời, đầy đủ các quy định của pháp luật để thuận lợi trong việc tìm hiểu và thực hiện; xây dựng đội ngũ cán bộ có đầy đủ tiêu chuẩn về đạo đức, phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức pháp luật để bảo đảm cho pháp luật được thực hiện một cách đầy đủ và chính

⁽⁸⁾ Văn phòng Chính phủ (2016), Kết luận của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc “về tăng cường kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường”. *Thông báo số 268a/TB-VPCP* ngày 31/8/2016.

xác, góp phần giáo dục và nâng cao ý thức pháp luật; đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật, bảo đảm tuyệt đối yêu cầu về sự công bằng, bình đẳng, nhất quán và nghiêm minh trong thực hiện và áp dụng pháp luật, tạo niềm tin và thái độ tôn trọng, chấp hành pháp luật trong xã hội.

Kết luận

Pháp luật về quản lý môi trường điều chỉnh các nhóm quan hệ xã hội phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp trong quá trình con người tiến hành các hoạt động tác động đến môi trường. Nhiệm vụ của pháp luật về quản lý môi trường là nhằm giải quyết các mối quan hệ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với nhiệm vụ bảo vệ môi trường; quan hệ giữa lợi ích trước mắt với lợi ích lâu dài, căn bản của đất nước; quan hệ giữa việc bảo vệ môi trường với tư cách là một tổng thể với bảo vệ từng thành phần môi trường; quan hệ giữa lợi ích chung về mặt môi trường của cả cộng đồng với lợi ích cục bộ của từng tổ chức, từng cá nhân; quan hệ giữa quốc gia, khu vực và quốc tế về vấn đề bảo vệ môi trường.

Trên cơ sở phân tích và làm rõ vai trò của pháp luật về môi trường, các yếu tố đảm bảo thực hiện pháp luật về quản lý môi trường, bài viết giúp người đọc hiểu rõ hơn về pháp luật nói chung và pháp luật về quản lý môi trường nói riêng; giúp các nhà chính sách có cái nhìn khái quát hơn trong quá trình triển khai thực hiện và điều chỉnh các chính sách liên quan đến môi trường phù hợp với sự biến động của hoàn cảnh, đặc biệt trong quá trình hội nhập như hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2004), *Về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp*

hóa, hiện đại hóa đất nước, Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004, Hà Nội.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2018), *Báo cáo môi trường quốc gia 2018*, Hà Nội.

3. Nguyễn Trần Điện (2016), *Thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường làng nghề ở các tỉnh đồng bằng sông Hồng Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

4. Lưu Đức Hải Nguyễn Ngọc Sinh (2001), *Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.

5. Nguyễn Lan Nguyên (2008), "Rà soát lại các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam - Một vấn đề cần thiết cấp bách", *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*.

6. Nguyễn Thị Ngọc (2016), *Quản lý môi trường đô thị Nhật Bản và khả năng ứng dụng ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

7. Nguyễn Văn Phước Nguyễn Thị Vân Hà (2006), *Giáo trình quản lý chất lượng môi trường*, Nxb. Xây dựng, Hà Nội.

8. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII (2014), *Luật Bảo vệ môi trường năm 2014*, Nxb. Lao động, Hà Nội.

9. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII (2011), *Luật Khoáng sản năm 2010*, Nxb. Lao động, Hà Nội.

10. Nguyễn Thị Kim Thái Lê Thị Hiền Thảo (2003), *Sinh thái học và bảo vệ môi trường*, Nxb. Xây dựng, Hà Nội.

11. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2014), *Pháp lệnh Cảnh sát môi trường ngày 23/12/2014*, Nxb. Lao động, Hà Nội.

12. Văn phòng Chính phủ (2016), *Kết luận của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về tăng cường kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường*, Thông báo số 268a/TB-VPCP ngày 31/8/2016.